BTVN: TỔNG KẾT ĐỊA LÍ DÂN CƯ VIỆT NAM
CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ DÂN CƯ
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

✓ *Tổng kết phần Địa lí dân cư Việt Nam.*

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: (ID: 244475) Phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm dân tộc của nước ta?

A. Các dân tộc ít người sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng

B. Có nhiều thành phần dân tộc, bản sắc văn hóa đa dạng

C. Mức sống của một bộ phận dân tộc ít người còn thấp

D. Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ lớn nhất trong tổng số dân

Câu 2: (ID: 713473) Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

A. Tăng tỉ trọng lao động ở khu vực Nhà nước.

B. Tăng tỉ trọng lao động ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

C. Giảm tỉ trọng lao động ở khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

D. Giảm tỉ trọng lao động ở khu vực công nghiệp, xây dựng.

Câu 3: (ID: 713474) Nhận định nào dưới đây đúng với đặc điểm dân số của nước ta?

A. Các dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu dân số theo dân tộc.

B. Tỉ số giới tính không có sự khác nhau giữa các nhóm tuổi.

C. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh còn phổ biến.

D. Tỉ trọng nhóm người từ 65 tuổi trở lên ngày càng giảm.

Câu 4: (ID: 713475) Chiến lược phát triển dân số ở nước ta là

A. tuyên truyền, vận động về công tác dân số.

B. tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân số.

C. hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số.

D. duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

Câu 5: (ID: 713476) Tác động tiêu cực của đô thị hoá tới kinh tế - xã hội nước ta là

A. nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng và cả nước.

C. gây sức ép tới vấn đề việc làm, y tế, giáo dục.

D. làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 6: (ID: 244476) Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng gây khó khăn lớn nhất cho việc

A. nâng cao chất lượng cuộc sống
B. bảo vệ tài nguyên và môi trường
C. sử dụng hiệu quả nguồn lao động
D. nâng cao tay nghề cho lao động

Câu 7: (ID: 244659) Hiện tượng bùng nổ dân số nước ta diễn ra trong khoảng thời gian nào
A. nửa sau thế kỉ XX **B.** nửa cuối thế kỉ XIX **C.** đầu thế kỉ XX **D.** đầu thế kỉ XXI

Câu 8: (ID: 244675) Mỗi năm nước ta đã tạo ra khoảng 1 triệu việc làm mới là nhờ
A. trình độ người lao động nâng lên
B. đô thị hoá tăng nhanh, tạo nhiều việc làm
C. sự đa dạng hoá các thành phần kinh tế, ngành sản xuất, dịch vụ
D. mở cửa hội nhập, nước ta gia nhập WTO

Câu 9: (ID: 244686) Hướng giải quyết việc làm cho người lao động nước ta nào sau đây không thuộc lĩnh vực kinh tế
A. tăng cường hợp tác liên kết để thu hút vốn đầu tư nước ngoài
B. phân bố lại dân cư và nguồn lao động
C. mở rộng sản xuất hàng xuất khẩu
D. thực hiện đa dạng hóa các hoạt động sản xuất

Câu 10: (ID: 244695) Đặc điểm nào sau đây không phải là thế mạnh của nguồn lao động nước ta hiện nay
A. Có tác phong công nghiệp và kỉ luật lao động cao
B. Chất lượng nguồn lao động đang được nâng lên
C. Tỉ lệ lao động trẻ cao, có khả năng tiếp thu nhanh các thành tựu khoa học kĩ thuật
D. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông – lâm - thuỷ sản

Câu 11: (ID: 244689) Đặc điểm nào không đúng với nguồn lao động nước ta
A. gần 70% lao động đã qua đào tạo
B. trình độ lao động nước ta được nâng cao.
C. lao động cần cù, có kinh nghiệm
D. đông, tăng nhanh

Câu 12: (ID: 244742) Đô thị đầu tiên của nước ta là
A. Hội An. **B.** Thăng Long. **C.** Cổ Loa. **D.** Hà Nội

Câu 13: (ID: 244745) Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm đô thị hoá ở nước ta?
A. Trình độ đô thị hóa cao.
B. Đô thị hoá ở nước ta diễn ra nhanh.
C. Phân bố đô thị không đều giữa các vùng
D. Dân thành thị chiếm tỉ lệ cao trong tổng số dân.

Câu 14: (ID: 244751) Tỉ lệ dân thành thị của nước ta còn thấp, nguyên nhân chính là do
A. nước ta phát triển mạnh nông nghiệp thâm canh lúa nước.
B. trình độ phát triển công nghiệp của nước ta chưa cao.
C. người dân thích sống ở nông thôn hơn vì mức sống thấp.
D. nước ta có ít thành phố lớn.

Câu 15: (ID: 244738) Tiêu chí phân loại đô thị nước ta **không** bao gồm
A. Số dân **B.** Chức năng **C.** Mật độ dân số **D.** Thành phần dân tộc

Câu 16: (ID: 713185) Cho bảng số liệu sau:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giai đoạn 1999 – 2021

Tiêu chí \ Năm	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số *(triệu người)*	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số *(%)*	1,51	1,06	1,15	0,94

(Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Đặc điểm nào sau đây đúng với dân số nước ta giai đoạn 1999 – 2021?

A. Số dân liên tục tăng, tỉ lệ gia tăng dân số liên tục giảm.

B. Số dân liên tục tăng, tỉ lệ gia tăng dân số nhìn chung giảm.

C. Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số khá ổn định.

D. Số dân liên tục tăng, tỉ lệ gia tăng dân số không ổn định.

Câu 17: (ID: 713186) Cho bảng số liệu sau:

Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giai đoạn 1999 – 2021

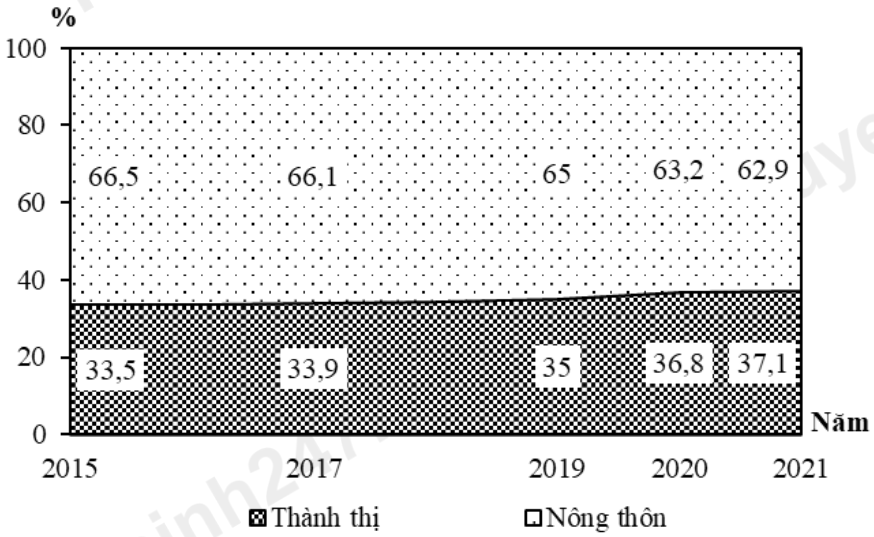
Tiêu chí \ Năm	1999	2009	2019	2021
Quy mô dân số *(triệu người)*	76,5	86,0	96,5	98,5
Tỉ lệ gia tăng dân số *(%)*	1,51	1,06	1,15	0,94

(Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, 2009, 2019; Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Để thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giai đoạn 1999 – 2021, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Miền.

Câu 18: (ID: 713187) Cho biểu đồ về dân số phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.

B. Quy mô và cơ cấu dân số phânn theo thành thị và nông thôn.

C. Quy mô dân số phân theo thành thị và nông thôn.

D. Tốc độ tăng trưởng số dân thành thị và nông thôn.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 19: (ID: 713160) **Cho bảng số liệu sau, hãy chọn đúng hoặc sai:**

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 1970 – 2021

Năm	1970	1980	1990	2000	2010	2021
Số dân thành thị *(triệu người)*	7,6	10,1	12,9	18,7	26,5	36,6
Tỉ lệ dân thành thị *(%)*	18,3	19,2	19,5	24,1	30,4	37,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 1991, 2001, 2011, 2022)

a. Tỉ lệ dân thành thị liên tục tăng và có xu hướng tiếp tục tăng trong các năm tới.

b. Số dân thành thị tăng khá nhanh và chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.

c. Số dân thành thị năm 2021 tăng 481,6% so với năm 1970.

d. Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 1970 - 2021.

Câu 20: (ID: 713161) **Cho bảng số liệu sau, hãy chọn đúng hoặc sai:**

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2009 - 2021

Năm	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi		
		Từ 0 – 14 tuổi	Từ 15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
2009	72,8	24,5	69,1	6,4
2019	73,6	24,3	68,0	7,7
2021	73,6	24,1	67,6	8,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2022)

a. Dân số nước ta đang có xu hướng già hoá.

b. Hiện nay, nước ta đang trong thời kì dân số vàng.

c. Do sự phát triển kinh tế, điều kiện sống và các dịch vụ y tế được cải thiện nên tuổi thọ trung bình của người dân tăng.

d. Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi giai đoạn 2009 – 2021.

Câu 21: (ID: 713162) **Cho đoạn thông tin sau, hãy chọn đúng hoặc sai:**

"Tăng trưởng kinh tế đô thị những năm gần đây đều trên 10%, cao gấp 1,5 – 2 lần so với mặt bằng chung của cả nước. Các đô thị đóng góp quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tăng phúc lợi xã hội, tạo đột phá đối với việc thu hút đầu tư, phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế khu vực đô thị đóng góp khoảng 70% GDP cả nước. Tuy nhiên, làm thế nào để tăng trưởng đô thị mà không gây sức ép tới tài nguyên, cơ sở hạ tầng và dịch vụ vẫn là câu hỏi lớn chưa có lời giải đáp".

(Nguồn: Trang thông tin kinh tế của Thông tấn xã Việt Nam, ngày 7-11-2023)

a. Đô thị phát triển nhanh góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b. Các đô thị đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế.

c. Đô thị không gây sức ép tới tài nguyên, cơ sở hạ tầng và dịch vụ.

d. Các đô thị đang đóng góp quan trọng vào vấn đề an sinh xã hội.

Câu 22: (ID: 713163) **Cho đoạn thông tin sau, hãy chọn đúng hoặc sai:**

Cùng với sự phát triển của đất nước, các ngành sản xuất, các thành phần kinh tế ngày càng đa dạng tạo nhiều việc làm mới, góp phần quan trọng trong giải quyết vấn đề việc làm cho số lao động tăng thêm hằng năm. Tuy vậy, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn còn là một trở ngại của nước ta.

a. Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn tương đương nhau.

b. Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm năm 2021 tăng cao do ảnh hưởng của địa dịch Co-vid 19.

c. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn ở nông thôn chủ yếu do lượng công việc chưa đáp ứng được nhu cầu của người lao động.

d. Hình thành cơ chế kết nối cung cầu tự động giữa thị trường trong và ngoài nước.

III PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23: (ID: 713149) Cho bảng số liệu sau:

TỈ SUẤT SINH THÔ VÀ TỈ SUẤT TỬ THÔ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2002 – 2021

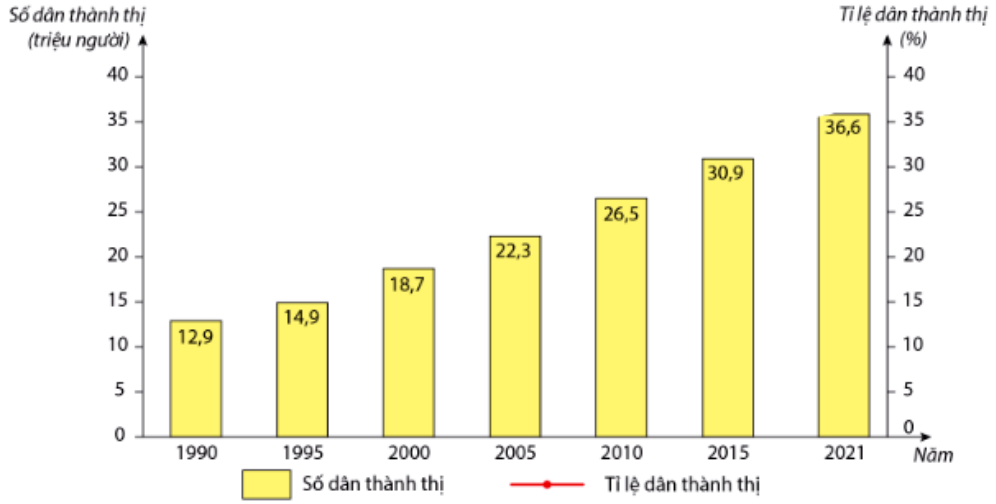
(Đơn vị: ‰)

Năm	2002	2009	2014	2019	2020	2021
Tỉ suất sinh thô	19,0	17,6	17,23	16,28	16,30	15,74
Tỉ suất tử thô	5,8	6,8	6,85	6,32	6,06	6,38

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết năm nào nước ta có tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao nhất?

Câu 24: (ID: 713150) Cho bảng số liệu sau:



Biểu đồ số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 1990 – 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2010, 2022)

Dựa vào biểu đồ trên, cho biết trong giai đoạn 1990 – 2021, trung bình mỗi năm số dân thành thị của nước ta tăng bao nhiêu nghìn người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn người)

Câu 25: (ID: 713151) Cho bảng số liệu sau:

TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990 - 2021

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1990	2000	2010	2021
Tổng số dân	66,0	77,6	87,1	98,5
Số dân thành thị	12,9	18,7	26,5	36,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu trên, cho biết tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 1990 – 2021 tăng bao nhiêu %? (Kết quả lấy đến 1 chữ số sau dấu thập phân).

Câu 26: (ID: 713152) Năm 2021, tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở thành thị nước ta là 4,33%. Vậy khu vực thành thị của nước ta có bao nhiêu triệu người thất nghiệp? Biết rằng tổng số lao động của nước ta năm 2021 là 50,6 triệu người. (Kết quả lấy đến 2 chữ số sau dấu thập phân).

Câu 27: (ID: 713153) Cho bảng số liệu sau:

Tỉ lệ dân thành thị ở Việt Nam so với thế giới, giai đoạn 1960 – 2021

(Đơn vị: %)

Thế giới, quốc gia \ Năm	1960	1980	2000	2021
Toàn thế giới	33,6	39,3	46,7	56,5
Việt Nam	14,7	19,2	24,1	37,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Tổng cục Thống kê, 2001 và 2022)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của Việt Nam thấp hơn so với mức trung bình của thế giới bao nhiêu %? (Kết quả lấy đến 1 chữ số sau dấu thập phân).

Câu 28: (ID: 713154) Năm 2021, nước ta có 37,8% lao động làm việc trong ngành dịch vụ. Vậy nước ta có tổng bao nhiêu triệu người đang làm việc trong ngành công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản? Biết rằng tổng số lao động của nước ta năm 2021 là 50,6 triệu người. (Kết quả lấy đến 1 chữ số sau dấu thập phân).

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1.A	2.B	3.C	4.D	5.C	6.C	7.A	8.C	9.B	10.A
11.A	12.C	13.C	14.B	15.D	16.B	17.C	18.A		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Các dân tộc ít người sống tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi hơn là đồng bằng.

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế của nước ta đang có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng lao động khu vực Nhà nước, tăng tỉ trọng lao động khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

=> Đáp án B đúng.

Chọn B.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Tình trạng mất cân bằng giới tính đang diễn ra ở lứa tuổi sơ sinh khá nghiêm trọng, có 112 bé trai được sinh ra so với 100 bé gái (năm 2021).

Chọn C.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Chiến lược phát triển dân số ở nước ta là duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

Các đáp án A, B, C đều là các giải pháp để phát triển dân số.

Chọn D.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Tác động tiêu cực của đô thị hoá tới kinh tế - xã hội nước ta là gây sức ép tới vấn đề việc làm, y tế, giáo dục. Các đáp án A, B, D là tác động tích cực.

Chọn C.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Sự phân bố dân cư chưa hợp lí làm ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng lao động, khai thác tài nguyên. Ví dụ khu vực đồi núi có tài nguyên dồi dào nhưng dân cư lại ít, thưa thớt-> thiếu lao động cho sản xuất, khai thác tài nguyên. Vì vậy việc phân bố lại dân cư lao động trên phạm vi cả nước là hợp lí.

Chọn C.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Dân số nước ta tăng nhanh, đặc biệt là vào nửa cuối thế kỉ XX dẫn đến bùng nổ dân số (Bùng nổ dân số dân số do gia tăng tự nhiên cao. Gia tăng tự nhiên cao do tỉ suất sinh tăng cao (nhờ đời sống được cải thiện, tâm lí sinh bù sau chiến tranh, cơ cấu dân số trẻ - số người trong độ tuổi sinh đẻ lớn...) và tỉ suất tử giảm nhanh (do các tiến bộ về y tế, do mức sống được cải thiện...)

Chọn A.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Sự đa dạng hoá các thành phần kinh tế, ngành sản xuất, dịch vụ đã tạo ra mỗi năm gần 1 triệu việc làm mới.

Chọn C.

Câu 9 (VD):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Hướng giải quyết việc làm cho người lao động nước ta không thuộc lĩnh vực kinh tế là phân bố lại dân cư và nguồn lao động (liên quan đến lĩnh vực dân số, dân cư hơn là kinh tế).

Chọn B.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Lao động nước ta còn thiếu tác phong công nghiệp và kỉ luật lao động.

Chọn A.

Câu 11 (TH):

Cách giải:

Dựa và bảng 17.1 sgk trang 73, nhận xét thấy tỉ lệ lao động đã qua đào tạo của nước ta còn thấp, năm 2005 chỉ chiếm 25% => nhận xét nguồn lao động nước ta gần 70% lao động đã qua đào tạo

=> Chọn đáp án A

Chọn A.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Từ thế kỉ III trước Công nguyên, thành Cổ Loa, kinh đô của nhà nước Âu Lạc được coi là đô thị đầu tiên của nước ta.

Chọn C.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Đô thị nước ta phân bố không đều giữa các vùng là một trong các đặc điểm nổi bật của quá trình đô thị hóa ở nước ta.

Chọn C.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Trình độ phát triển công nghiệp của nước ta chưa cao, tỉ lệ dân hoạt động sản xuất công nghiệp, dịch vụ còn thấp, các điểm dân cư đô thị còn ít, dân cư ít tập trung, lối sống nông nghiệp nông thôn vẫn là chủ yếu

=> tỉ lệ dân thành thị còn thấp.

Chọn B.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Dựa vào các tiêu chí như số dân, chức năng, mật độ dân số, tỉ lệ phi nông nghiệp… mạng lưới đô thị nước ta được phân thành 6 loại; tiêu chí phân loại đô thị không bao gồm thành phần dân tộc.

Chọn D.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Nhận xét bảng số liệu.

Cách giải:

Trong giai đoạn 1999 – 2021, số dân nước ta liên tục tăng, tỉ lệ gia tăng dân số có sự biến động nhưng nhìn chung có xu hướng giảm.

Chọn B.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Nhận diện biểu đồ.

Cách giải:

Vì quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số có đơn vị khác nhau => Để thể hiện quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số của nước ta giai đoạn 1999 – 2021, biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất.

Chọn C.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Đặt tên biểu đồ.

Cách giải:

Biểu đồ miền => Biểu đồ thể hiện chuyển dịch cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.

Chọn A.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	19	20	21	22
Đáp án	ĐĐSS	ĐĐĐS	ĐĐSĐ	SĐSĐ

Câu 19 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và nội dung phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

a) Đúng vì dựa vào bảng số liệu, tỉ lệ dân thành thị trong giai đoạn 1970 – 2021 liên tục tăng và có tiếp tục có xu hướng tăng.

b) Đúng vì trong các giai đoạn gần đây, số dân thành thị tăng ngày càng cao, đặc biệt giai đoạn 2010 – 2021 số dân thành thị tăng tới 10,1 triệu người. Hơn nữa, số dân thành thị tăng nhanh hơn số dân nông thôn => số dân thành thị chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn.

c) Sai vì dựa vào công thức tính tốc độ tăng trưởng. Coi số dân thành thị năm 1970 là 100% => Số dân thành thị năm 2021 là (36,6 : 7,6)*100 = 481,6% => Số dân thành thị năm 2021 tăng 481,6 – 100 = 381,6% so với năm 1970.

d) Sai vì số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị có đơn vị khác nhau => Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 1970 - 2021.

Câu 20 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào bảng số liệu và nội dung phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

a) Đúng, vì tỉ lệ nhóm 0 – 14 tuổi đang có xu hướng giảm, trong đó tỉ lệ nhóm người từ 65 tuổi trở lên đang có xu hướng tăng.

b) Đúng, nước ta bước vào thời kì dân số vàng từ năm 2007, khi tỉ số phụ thuộc chúng (nhóm dân số 0 – 14 tuổi và nhóm dân số trên 65 tuổi tính trên nhóm dân số 15 – 64 tuổi) dưới 50%.

c) Đúng.

d) Sai vì giai đoạn 2009 – 2021 chỉ có 3 năm => Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi giai đoạn 2009 – 2021.

Câu 21 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội.

Cách giải:

a) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: "Các đô thị … tạo đột phá đối với việc thu hút đầu tư, phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế khu vực đô thị đóng góp khoảng 70% GDP cả nước." Vậy đô thị phát triển nhanh sẽ góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: "Tăng trưởng kinh tế đô thị những năm gần đây đều trên 10%, cao gấp 1,5 – 2 lần so với mặt bằng chung của cả nước" và "kinh tế khu vực đô thị đóng góp khoảng 70% GDP cả nước". Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy các đô thị đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế.

c) Sai. Đô thị là nơi tập trung đông dân cư, kinh tế phát triển nên gây sức ép rất lớn tới tài nguyên, môi trường. Bên cạnh đó, đoạn thông tin cũng chỉ ra: "Tuy nhiên, làm thế nào để tăng trưởng đô thị mà không gây sức ép tới tài nguyên, cơ sở hạ tầng và dịch vụ vẫn là câu hỏi lớn chưa có lời giải đáp"

d) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: "Các đô thị đóng góp quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tăng phúc lợi xã hội". "Giải quyết việc làm" và "tăng phúc lợi xã hội" là những khía cạnh quan trọng của an sinh xã hội.

Câu 22 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

a) Sai vì ví dụ năm 2021, tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị là 4,3% trong khí đó ở nông thôn chỉ là 2,5% => tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị cao gần gấp 2 lần so với tỉ lệ thất nghiệp ở nông thôn.

b) Đúng vì do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều công ty, xí nghiệp, quán ăn, nhà hàng, khách sạn,… phải đóng cửa.

c) Sai vì tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn ở nông thôn chủ yếu do khu vực thành thị đòi hỏi lao động có trình độ, trong khi lao động chưa qua đào tạo ở nước ta vẫn còn chiếm tỉ lệ lớn. Còn ở nông thôn ít đòi hỏi lao động có trình độ.

d) Đúng vì đây là một trong các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.

III PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	23	24	25	26	27	28
Đáp án	2002	765	17,7	2,19	19,4	31,5

Câu 23 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên.

Cách giải:

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%) = (tỉ suất sinh – tỉ suất tử)/10.

=> Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2002 là: (19,0 – 5,8)/10 = 1,32%

=> Tính tương tự, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2009, 2014, 2019, 2020, 2021 lần lượt là 1,08%; 1,05%; 0,99%; 1,02%; 0,94%.

=> Năm **2002** có tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao nhất.

Câu 24 (TH):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Trong giai đoạn 1990 – 2021, trung bình mỗi năm số dân thành thị của nước ta tăng:

(36,6 – 12,9)/31 = 0,765 triệu người = **765 nghìn người**

Câu 25 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính tỉ lệ dân thành thị.

Cách giải:

Tỉ lệ dân thành thị = (Số dân thành thị/Tổng số dân)*100

=> Tỉ lệ dân thành thị năm 1990 là: (12,9/66,0)*100 = 19,5%

=> Tỉ lệ dân thành thị năm 2021 là: (36,6/98,5)*100 = 37,2%

=> Giai đoạn 1990 – 2021, tỉ lệ dân thành thị của nước ta tăng 37,2 – 19,5 = **17,7%**

Câu 26 (TH):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Năm 2021, khu vực thành thị của nước ta có: (50,6*4,33)/100 = 2,19 triệu người thất nghiệp.

Câu 27 (TH):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của Việt Nam thấp hơn so với mức trung bình của thế giới:

56,5 – 37,1 = **19,4%**

Câu 28 (TH):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Năm 2021, nước ta có 37,8% lao động làm việc trong ngành dịch vụ => nước ta có 100 – 37,8 = 62,2% lao động làm việc trong ngành công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản

=> Năm 2021, nước ta có tổng số lao động làm việc trong ngành công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản là: (50,6*62,2)/100 = **31,5 triệu người**